TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ KON TUM** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST
Ngày 06-5-2022
V/v tranh chấp: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM - TỈNH KON TUM
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ toạ phiên toà: Bà *Vũ Thị Hồng Dung*.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Vân Anh và bà Nguyễn Thị Hiệp.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên Toà: Bà Nguyễn Đỗ Phương Thảo – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Kon Tum.

Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Trần Bá Tài – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại Hội trường xét xử trụ sở Toà án nhân dân thành phố Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 322/2021/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2021, về việc tranh chấp: "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 3 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 196/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc S, sinh năm 1962. "Có mặt".

Địa chỉ: Số M, đường N, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

- Bị đơn: Ông Nguyễn T, sinh năm 1962. "Vắng mặt".

Địa chỉ: Số N, đường T, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa thì bà Nguyễn Thị Ngọc S trình bày:

Bà và ông Nguyễn T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 20/10/1986 tại UBND phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum). Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng ông bà sống không hạnh phúc luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T không quan tâm chăm lo cho cuộc sống gia đình, một mình bà phải nuôi dậy ba con chung; ông T thường xuyên cầm cố tài sản mượn nợ bên ngoài, dẫn đến tiêu tan tài sản. Ông, bà đã không còn chung sống với nhau từ năm 2006 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, việc ai người nấy làm, ông T đi đâu bà không quan tâm; khi cưới con ông T cũng bỏ mặc không giúp bà lo cưới cho con. Từ khi bà làm đơn ly hôn đến nay, bà có gặp ông T 02 lần, bà nói ông T lên Tòa án giải quyết việc ly hôn nhưng ông T nói bận không lên, để Tòa án giải quyết vắng mặt ông. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà không còn yêu thương ông T nữa

nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn T để bà ổn định cuộc sống. Ông T cố tình không lên Tòa án giải quyết thì bà đề nghị xét xử vắng mặt ông T; Về con chung: Các con chung đã đủ 18 tuổi và tự lập được nên bà không yêu cầu giải quyết; Về tài sản, nợ nần: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí DSST bà nhận chịu.

Bị đơn: Ông Nguyễn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn cố tình không tham gia tố tụng tại tòa án và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật; bị đơn không thực hiện quyền nghĩa vụ của đương sự và vắng mặt tại phiên tòa. Đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà S: Bà S được ly hôn với ông T. Vì hôn nhân đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; Về con chung: Các con chung đã đủ 18 tuổi và tự lập được nên không xem xét giải quyết; Về tài sản, nợ chung: Bà S không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết; Án phí DSST (Án phí ly hôn) bà S phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Ông Nguyễn T đã được tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Nguyễn T.

[2] *Về nội dung vụ án*:

* ***Về Quan hệ hôn nhân***: Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ngọc S và ông Nguyễn T là hôn nhân hợp pháp. Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng bà S và ông T đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T không có sự quan tâm, chăm lo cho vợ, con chung để mình bà S lo; vợ chồng thường xuyên cãi nhau, xúc phạm, đánh nhau, sống không có hạnh phúc, đã không còn chung sống với nhau từ năm 2006 đến nay, không ai quan tâm đến ai, bỏ mặc nhau sống ra sao thì sống (BL 23, 38). Bà S xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông T. Ông T biết được việc bà S xin ly hôn với ông nhưng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của bà S, cố tình vắng mặt tại phiên tòa (BL 37) nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết và ông T phải chịu hậu quả của việc không chứng minh của mình theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật TTDS. Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử

xét thấy vợ chồng bà S, ông T không còn có sự tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Hôn nhân của bà S và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà S yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T là có căn cứ và đúng với quy định của pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 19, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận.

* ***Về con chung*****:** Các con chung của ông, bà đã đều đủ 18 tuổi và tự lập được, bà S không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

* ***Về tài sản và nợ chung*****:** Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] ***Án phí dân sự sơ thẩm:*** Áp dụng Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết của Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Ngọc S phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc S đề ngày 11 tháng 10 năm 2021.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc S được ly hôn với ông Nguyễn T;

2. Về con chung: Các con chung của ông, bà đã đều đủ 18 tuổi và tự lập được, bà S không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản, nợ nần: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Ngọc S phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà S đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000342 ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K; Bà Nguyễn Thị Ngọc S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06 tháng 5 năm 2022), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Kon Tum để xin xét xử phúc thẩm; Đối với đương sự

vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- *TAND cấp cao;*
- *TAND Tỉnh Kon Tum;*
- *VKSND TP K;*
- *UBND P.Thắng L, TP K;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu Hồ sơ,*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Vũ Thị Hồng Dung